

Cà Mau, ngày 06 tháng 7 năm 2026

**DANH SÁCH HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ HỌC LẠI, HỌC KỲ HÈ 2025-2026**

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ số điện thoại khoa Kinh tế và Luật: 0291.221.2542 trong giờ làm việc

**I. CÁC HỌC PHẦN CÓ XẾP THỜI KHÓA BIỂU**

*Xem thời khóa biểu phía dưới (Bắt đầu học từ 06/7/2026 đến khi kết thúc số tiết)*

| STT | MSHP   | Tên học phần                  | Tín<br>chỉ | Số<br>lượng<br>SVĐK | Chi tiết số lượng                                                                                                                                           | Giảng viên            | Hình thức<br>thi | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------------|------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|---------|
| 1.  | EC2100 | Kinh tế vi mô                 | 3          | 27                  | 14DQT2(1),16DTCNH (1),<br>17QTKD2 (3), 17DKT1 (3),<br>17DKT2 (5), 18DQTKD2<br>(2), 18DTCNH (1), 18DKT1<br>(1), 18DKT2 (8),<br>19DQTKD2 (1),<br>19DTCNH1 (1) | Mai Hoà An            | Tự luận<br>đóng  | 100%    |
| 2.  | EC2101 | Kinh tế vĩ mô                 | 3          | 26                  | 16DKT1 (1), 16DKT2 (1),<br>17DQTKD2 (1), 17DKT1<br>(1), 17DKT2 (9),<br>18DQTKD (6), 18DTCNH<br>(2), 18DKT1 (2),<br>18DKT2(2);<br>18DQTDVDLLH (1).           | Trương Thị Bé         | Tự luận<br>đóng  | 100%    |
| 3.  | EC2103 | Luật kinh tế                  | 3          | 10                  | 16DKT2 (1), 17DQTKD2<br>(6), 18DQTKD (1),<br>18DQTDVDLLH (1),<br>19DQTKD2 (1)                                                                               | Trần Hà<br>Bảo Khuyên | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 4.  | EC2102 | Nguyên lý thống kê<br>kinh tế | 3          | 18                  | 16DKT2 (2), 17DQTKD1<br>(1), 17DTCNH (2), 17DKT1<br>(1), 17DKT2 (4),<br>18DQTKD (3), 18DTCNH                                                                | Dương Thế Lân         | Tự luận<br>mở    | 100%    |

| STT | MSHP   | Tên học phần                   | Tín<br>chỉ | Số<br>lượng<br>SVĐK | Chi tiết số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giảng viên        | Hình thức<br>thi | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------------|------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------|
|     |        |                                |            |                     | (1), 18DKT1 (2), 18DKT2 (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |                  |         |
| 5.  | SS0014 | Pháp luật đại cương            | 2          | 49                  | 16DNV (1), 16DTH1(1), 16DNT1 (1), 17DGDTH3 (3), 17DNNA2 (1), 17DQTKD1 (2), 17DQTKD2 (5), 17DTCNH (3), 17DKT1 (1), 17DKT2 (1), 17DCNPM (2), 17DNTCNC (2), 17DNTTS1 (1), 18DGDTH3 (1), 18DNNA1 (1), 18DQTKD (1), 18DKT1 (3), 18DCNTT1 (3), 18DNTTS (2), 19DQTKD2 (1), 19DKT1 (2), 19DKT2 (1), 19DKHMT (1), 19DCNPM (1), 19DCNTT1 (1), 19DCNTT2 (3), 19DCNTY (1), 19DBVTV (1), 19DNTCNC (1), 13DNT1(1). | Nguyễn Lê Lý      | Tự luận<br>đóng  | 100%    |
| 6.  | FB2201 | Toán tài chính                 | 2          | 32                  | 17DTCNH (26), 18DTCNH (6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Quách Thị Hải Yến | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 7.  | FB2202 | Thị trường chứng khoán         | 2          | 15                  | 17DTCNH (15)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nguyễn Thị Phương | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 8.  | FB2211 | Thuế                           | 3          | 6                   | 17DQTKD2 (2), 17DTCNH (2), 17DKT2 (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Võ Hoàng Khiêm    | Tự luận<br>mở    | 50%     |
| 9.  | FB2221 | Tài chính doanh nghiệp 2       | 2          | 6                   | 17DTCNH (6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lê Hồng Nga       | Tự luận<br>đóng  | 50%     |
| 10. | FB2222 | Quản trị rủi ro tài chính      | 3          | 5                   | 16DTCNH (5)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Quách Thị Hải Yến | Tự luận<br>mở    | 50%     |
| 11. | FB2230 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3          | 7                   | 16DTCNH (1), 16DQT (6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trịnh Hoàng Sơn   | Tự luận<br>mở    | 50%     |

| STT | MSHP   | Tên học phần                   | Tín<br>chỉ | Số<br>lượng<br>SVĐK | Chi tiết số lượng                                                                                                       | Giảng viên             | Hình thức<br>thi | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------------------|------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|---------|
| 12. | FB2240 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3          | 12                  | 17DTCNH (9), 17DKT1 (1),<br>17DKT2 (2)                                                                                  | Lê Huỳnh Như           | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 13. | FB2245 | Nghiệp vụ ngân hàng trung ương | 2          | 17                  | 17DTCNH (17)                                                                                                            | Trịnh Hoàng Sơn        | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 14. | BA2201 | Quản trị tài chính             | 3          | 9                   | 14DQT2(1),16DQT (8)                                                                                                     | Phạm Thị Kim Loan      | Tự luận<br>mở    | 50%     |
| 15. | BA2217 | Kỹ năng đàm phán               | 2          | 6                   | 16DQT (2), 18DQTKD (4)                                                                                                  | Lê Thanh Tùng          | Tự luận<br>mở    | 50%     |
| 16. | BA2307 | Nghiệp vụ ngoại thương         | 3          | 9                   | 16DQT (9)                                                                                                               | Nguyễn Thị Hằng<br>Nga | Tự luận<br>đóng  | 50%     |
| 17. | SS2018 | Toán kinh tế                   | 3          | 12                  | 16DQT (1), 17DQTKD1<br>(2), 17DQTKD2 (1),<br>17DTCNH (1), 17DKT1 (4),<br>19DKT1 (3)                                     | Tô Vĩnh Sơn            | Tự luận<br>đóng  | 100%    |
| 18. | AC2100 | Nguyên lý kế toán              | 3          | 20                  | 16DTCNH(2), 16DKT1(2),<br>16DKT2(1),<br>17DQTKD1(2),<br>17DQTKD2(3),<br>17DTCNH(4), 17DKT2(3),<br>18DQTKD(2), 18DKT2(1) | Võ Hoàng Khiêm         | Tự luận          | 100%    |
| 19. | AC2200 | Kế toán tài chính 1            | 3          | 5                   | 16DKT1(2), 16DKT2(1),<br>17DKT1(1), 17DKT2(1)                                                                           | Võ Hoàng Khiêm         | Tự luận          | 50%     |
| 20. | AC2201 | Kế toán tài chính 2            | 3          | 23                  | 16DKT1(1), 16DKT2(1),<br>17DKT1(5), 17DKT2(16)                                                                          | Phạm Minh Kết          | Tự luận<br>mở    | 100%    |
| 21. | AC2203 | Kế toán quản trị 1             | 3          | 7                   | 17DKT1(1), 17DKT2(3),<br>18DKT1(3)                                                                                      | Vương Ngọc Bảo Hà      | Tự luận<br>mở    | 50%     |
| 22. | AC2206 | Kế toán hành chính sự nghiệp   | 3          | 7                   | 15DKT1(1), 16DKT1(2),<br>16DKT2(1), 17DKT1(2),<br>17DKT2(1)                                                             | Đặng Trung Thắng       | Tự luận          | 50%     |

## II. CÁC HỌC PHẦN KHÔNG ĐỦ SỐ LƯỢNG XẾP THỜI KHÓA BIỂU

*Sinh viên liên hệ giảng viên để ôn tập ( 30% số tiết ) và làm bài Kiểm tra trong thời gian từ 06/7/2026 đến 03/8/2026*

| STT | MSHP   | Tên học phần                       | Tín chỉ | Số lượng SVDK | Chi tiết số lượng                     | Họ tên giảng viên      | Hình thức thi | Ghi chú      |
|-----|--------|------------------------------------|---------|---------------|---------------------------------------|------------------------|---------------|--------------|
| 1.  | EC2104 | Kinh tế lượng                      | 3       | 3             | 16DQT(2), 18DQTDVDLLH (1)             | Trương Thị Bé          | Tự luận mở    | 0914.874.004 |
| 2.  | EC2202 | Kinh tế phát triển                 | 2       | 1             | 16DTCNH(1)                            | Mai Hoà An             | Tự luận đóng  | 0932.862.119 |
| 3.  | SS0015 | Phương pháp NCKH                   | 2       | 3             | 16DQT (1), 17DKT1 (2)                 | Dương Thế Lâm          | Tự luận mở    | 0911.004.005 |
| 4.  | SS2009 | Lịch sử các học thuyết KT          | 2       | 4             | 16DQT (1), 16DKT2 (1), 17DTCNH (2)    | Đặng Trung Thắng       | Tự luận mở    | 0918.124.276 |
| 5.  | FB2200 | Tài chính - Tiền tệ                | 3       | 3             | 17DQTKD2 (1), 18DTCNH (1), 18DKT1 (1) | Ngô Vũ Mai Ly          | Tự luận mở    | 0982.120.486 |
| 6.  | FB2220 | Tài chính doanh nghiệp 1           | 3       | 4             | 16DTCNH (2), 17DTCNH (2)              | Lê Hồng Nga            | Tự luận đóng  | 0917.670.673 |
| 7.  | FB2223 | Phân tích tài chính                | 2       | 1             | 16DTCNH (1)                           | Lê Hồng Nga            | Tự luận mở    | 0917.670.673 |
| 8.  | FB2241 | Thẩm định tín dụng                 | 3       | 1             | 16DTCNH (1)                           | Nguyễn Thị Phương      | Tự luận mở    | 0913.779.948 |
| 9.  | FB2243 | Thanh toán quốc tế                 | 3       | 2             | 16DTCNH (1), 17DTCNH (1)              | Ngô Vũ Mai Ly          | Tự luận đóng  | 0982.120.486 |
| 10. | BA2101 | Quản trị học căn bản               | 3       | 2             | 16DKT2 (1), 18DQTDVDLLH (1)           | Nguyễn Thị Bích Ngân   | Tự luận mở    | 0939.016.299 |
| 11. | BA2203 | Quản trị sản xuất                  | 3       | 2             | 14DQT2(1), 17DQTKD2 (1)               | Võ Thị Phương Hồng Hợp | Tự luận mở    | 0947.198.361 |
| 12. | BA2207 | Hành vi khách hàng                 | 2       | 3             | 17DQTKD1 (3)                          | Võ Thị Phương Hồng Hợp | Tự luận đóng  | 0947.198.361 |
| 13. | BA2213 | Quản trị doanh nghiệp              | 3       | 1             | 16DQT (1)                             | Võ Văn Tài             | Tự luận mở    | 0917.424.487 |
| 14. | BA2216 | Marketing thương mại & dịch vụ     | 3       | 1             | 16DQT (1)                             | Phạm Mỹ Phương         | Tự luận mở    | 0944.335.594 |
| 15. | AC2202 | Kế toán tài chính 3                | 3       | 2             | 16DKT1(2)                             | Trần Thị Kim Ngân      | Tự luận mở    | 0944.226.112 |
| 16. | AC2204 | Kế toán quản trị 2                 | 3       | 4             | 16DKT2(2), 17DKT1(1), 17DKT2(1)       | Tăng Thành Phước       | Tự luận mở    | 0912.808.972 |
| 17. | AC2205 | Kế toán ngân hàng thương mại       | 3       | 3             | 16DTCNH(2), 16DKT2(1)                 | Nguyễn Thị Thu Hậu     | Tự luận mở    | 0382.602.216 |
| 18. | AC2208 | Tổ chức thực hiện công tác kế toán | 3       | 3             | 16DKT1(2), 16DKT2(1)                  | Trần Thị Kim Ngân      | Tự luận mở    | 0944.226.112 |
| 19. | AC2210 | Hệ thống thông tin kế toán         | 3       | 1             | 17DKT2(1)                             | Lê Hồng Nga            | Tự luận       | 0917.670.673 |
| 20. | AC2211 | Kế toán và khai báo thuế           | 2       | 1             | 16DKT2(1)                             | Trần Thị Kim Ngân      | Tự luận mở    | 0944.226.112 |

| STT | MSHP   | Tên học phần                       | Tín chỉ | Số lượng SVĐK | Chi tiết số lượng     | Họ tên giảng viên | Hình thức thi | Ghi chú      |
|-----|--------|------------------------------------|---------|---------------|-----------------------|-------------------|---------------|--------------|
| 21. | AC2212 | Lập và phân tích báo cáo tài chính | 2       | 2             | 16DKT1(1), 16DKT2(1)  | Bùi Thị Thu Lan   | Tự luận mở    | 0942.307.404 |
| 22. | AC2216 | Kế toán Ngân sách Nhà nước         | 3       | 4             | 16DTCNH(1), 16DKT2(3) | Trịnh Hoàng Sơn   | Tự luận mở    | 0983.720.540 |
| 23. | AC2217 | Kế toán xây dựng cơ bản            | 2       | 1             | 16DKT1(1)             | Nguyễn Văn Ngoan  | Tự luận       | 0989.689.004 |

### III. CÁC HỌC PHẦN MỜI GIẢNG TỪ CÁC PHÒNG, KHOA ( Bắt đầu học từ 06/7/2026)

| STT | MSHP   | Tên học phần                        | Tín chỉ | Số lượng SVĐK | Chi tiết số lượng                                                                                                                 | Họ tên giảng viên                                                   | Lịch học                                                                                                                                                                                                | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------------------------|---------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1.  | SS2018 | Toán kinh tế                        | 3       | 12            | 16DQT(1);17DQTKD1(2);<br>17DQTKD2(1);17DTCNH(1);<br>17DKT1(4);19DKT1(3);                                                          | <b>T. Vĩnh Sơn</b><br>(0943.726.707)                                | Sáng thứ 3 (4 tiết)<br>Sáng thứ 5 (4 tiết)<br>Sáng thứ 7 (4 tiết)<br><b>Phòng 25- cơ sở 1</b>                                                                                                           |         |
| 2.  | SS2017 | Toán cao cấp                        | 3       | 19            | 16DQT(1); 16DKT2(1); 17DQTKD1(2);<br>17DQTKD2(9);<br>17DTCNH(4); 17DKT2(2)                                                        | <b>T. Minh</b><br>(0977.533.957)                                    | Sáng thứ 3 (4 tiết)<br>Chiều thứ 5 (4 tiết)<br><b>Phòng 7- cơ sở 1</b>                                                                                                                                  |         |
| 3.  | SS2025 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3       | 21            | 14DQT2(1),17DQTKD1(1);17DQTKD2(2);<br>17DTCNH(4); 17DKT1(1);<br>18DQTKD(3); 19DQTKD2(1);<br>19DTCNH1(4);19DTCNH2(3);<br>19DKT2(1) | <b>T. Vĩnh Sơn</b><br>(0943.726.707)                                | Chiều thứ 2 (4 tiết)<br>Sáng thứ 4 (4 tiết)<br>Sáng thứ 6 (4 tiết)<br><b>Phòng 25- cơ sở 1</b>                                                                                                          |         |
| 4.  | SS0030 | Giáo dục thể chất                   | 3       | 10            | 16DQT(1);1 6DKT2(1);<br>18DQTKD(1); 19DQTKD2(5);<br>19DKT1(2)                                                                     | <b>C. Thu</b><br>(0944. 930.040)<br><b>T.Viên</b><br>(0914.164.116) | Chiều thứ 2 (4 tiết)<br>Chiều thứ 3 (4 tiết)<br>Chiều thứ 4 (4 tiết)<br>Chiều thứ 5 (4 tiết)<br>Chiều thứ 6 (4 tiết)<br>Chiều thứ 7 (4 tiết)<br>(Bắt đầu từ ngày 8/7/2026, địa điểm học liên hệ Cô Thu) |         |
| 5.  | EC2200 | Anh văn chuyên ngành                | 3       | 03            | 17DQTKD2(3)                                                                                                                       | <b>C. Huyền</b><br>(0945.762.545)                                   | Sáng thứ 4 (4t)- <b>VP. BM LLCT cơ sở 1</b>                                                                                                                                                             |         |

| STT | MSHP   | Tên học phần                | Tín chỉ | Số lượng SVĐK | Chi tiết số lượng                                                                                              | Họ tên giảng viên                      | Lịch học                                                                                                                                  | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------------|---------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6.  | EC2200 | Anh văn chuyên ngành        | 3       | 05            | 16DKT2(2), 17DQTKD2(3)                                                                                         | <b>C. Thảo</b><br>(0943.288.579)       | Chiều thứ 6 (4t)- <b>VP. BM Ngoại ngữ cơ sở 1</b>                                                                                         |         |
| 7.  | SS0011 | Tiếng Anh căn bản 1         | 3       | 14            | 15DKT1(1);17DQTKD2(1);<br>17DTCNH(1);17DKT1(2); 17DKT2(3);<br>18DQTKD(2); 19DKT1(1);<br>19DKT2(2);19DQTKD2(1); | <b>C. Cẩm</b><br>(0946.844.494)        | <b>Chiều thứ 4 (4t) -P.18</b><br><b>Chiều thứ 5 (4t) -P.22</b><br><b>Chiều thứ 6 (4t) -P.22</b>                                           |         |
| 8.  | SS0012 | Tiếng Anh căn bản 2         | 3       | 07            | 16DKT1(1);17DQTKD1(2);<br>18DTCNH(1);19DQTKD2(1);<br>19DKT2(2)                                                 | <b>C. Hạnh</b><br>(0945.062.840)       | <b>Sáng, Chiều thứ 4 (4t) - P.19</b><br><b>Sáng, Chiều thứ 5 (4t) - P.20</b><br><b>Sáng, Chiều thứ 6 (4t) - P.20</b>                      |         |
| 9.  | SS0013 | Tiếng Anh căn bản 3         | 3       | 03            | 16DQT(1); 18DQTKD(1);<br>18DKT1(1)                                                                             | <b>C. Đào</b><br>(0949.234.176)        | Chiều thứ 3 (3t)- <b>P.20</b><br>Sáng thứ 6 (4t)- <b>P.18 cơ sở 1</b>                                                                     |         |
| 10. | SS2003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học   | 2       | 01            | 18DQTDVDLLH(1)                                                                                                 | <b>C. Kiều Trang</b><br>(0913.458.993) | Sáng thứ 5 (4t)- <b>P.21 cơ sở 1</b>                                                                                                      |         |
| 11. | SS2002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2       | 03            | 16DKT2(1);17DTCNH(1);<br>19DQTKD2(1)                                                                           | <b>C. Thoảng</b><br>(0945.971.185)     | Chiều thứ 3 (4t)- <b>P.21</b><br>Chiều thứ 4 (4t) - <b>P.22</b><br>Sáng thứ 6 (4t) - <b>P.20</b><br>Sáng thứ 7 (4t) - <b>P.18 cơ sở 1</b> |         |
| 12. | SS2001 | Triết học Mác-Lênin         | 3       | 01            | 16DKT1(1)                                                                                                      | <b>C. Thoảng</b><br>(0945.971.185)     | Sáng thứ 3 (4t) - <b>P.21</b><br>Sáng thứ 4 (4t) - <b>P.22</b><br>Chiều thứ 6 (4t) - <b>P.20</b><br>Chiều thứ 7 (4t)- <b>P.18 cơ sở 1</b> |         |
| 13. | SS0004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | 2       | 01            | 16DQT(1)                                                                                                       | <b>T. Phước</b><br>(0913.039.797)      | Chiều thứ 6 (4t) - <b>P.19</b><br>Chiều thứ 7 (4t) - <b>P.20 cơ sở 1</b>                                                                  |         |
| 14. | SS0010 | Tin học căn bản             | 3       | 2             | 16DKT1(1);17DQTKD2(1)                                                                                          | <b>C. Yến</b><br>(0919.000.775)        | Sáng thứ 4 (4 tiết)<br><b>Phòng máy 1- cơ sở 1</b>                                                                                        |         |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU  
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

**THỜI KHÓA BIỂU HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN NĂM HỌC 2025-2026**  
(Từ ngày 06/7/2026 đến ngày 03/8/2026)

|           |   | Thứ 2                                                                                                        | Thứ 3                                                                   | Thứ 4                                         | Thứ 5                                                             | Thứ 6                                                                      | Thứ 7                                                              |
|-----------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| P. 24 CS1 | S | Kế toán tài chính 1- 4t<br><b>T.Khiêm</b><br>(Bắt đầu từ 13/7/2026)                                          | Thuế- 4t<br><b>T.Khiêm</b><br>(Bắt đầu từ 14/7/2026)                    | Kế toán tài chính 1- 4t<br><b>T.Khiêm</b>     | Thuế- 4t<br><b>T.Khiêm</b>                                        | Thẩm định tín dụng-4t<br><b>C. Nguyễn Phương</b><br>(Bắt đầu từ 13/7/2026) | Kế toán và KBT -4t<br><b>C. Kim Ngân</b><br>(Bắt đầu từ 25/7/2026) |
|           | C | Nguyên lý kế toán- 4t<br><b>T. Khiêm</b><br>(Bắt đầu từ 13/7/2026)                                           | Kế toán tài chính 3 -4t<br><b>C. Kim Ngân</b><br>(Bắt đầu từ 21/7/2026) | Nguyên lý kế toán- 4t<br><b>T. Khiêm</b>      | Tổ chức THCTKT- 4t<br><b>C.Kim Ngân</b><br>(Bắt đầu từ 23/7/2026) | Nguyên lý kế toán- 4t<br><b>T. Khiêm</b>                                   |                                                                    |
| P. 25 CS1 | S | Thị trường CK - 4t<br><b>C. Nguyễn Phương</b>                                                                | Toán kinh tế-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>                                   | Lý thuyết XS&TKT-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>     | Toán kinh tế-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>                             | Lý thuyết XS&TKT-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>                                  | Toán kinh tế-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>                              |
|           | C | Lý thuyết XS&TKT-4t<br><b>T. Vĩnh Sơn</b>                                                                    | Kinh tế phát triển – 4t<br><b>T.An</b><br>(Bắt đầu từ 21/7/2026)        | Thị trường CK - 4t<br><b>C. Nguyễn Phương</b> | Kế toán XDCB-4t<br><b>T. Ngoan</b>                                | Thị trường CK - 4t<br><b>C. Nguyễn Phương</b>                              |                                                                    |
| P. 26 CS1 | S | Quản trị sản xuất-4t<br><b>C. Hợp</b><br>(Bắt đầu từ 20/7/2026)                                              | Kế toán HCSN- 4t<br><b>T. Thắng</b>                                     | Kế toán HCSN- 4t<br><b>T. Thắng</b>           | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b>                                 | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b>                                          | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b>                                  |
|           | C | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b><br>(Tuần 01+ 02 chỉ học thứ 7.<br>Tuần 03 học tất cả các buổi<br>theo TKB) | Pháp luật đại cương- 4t<br><b>C.Lý</b>                                  | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b>             | Pháp luật đại cương- 4t<br><b>C.Lý</b>                            | Pháp luật đại cương- 4t<br><b>C.Lý</b>                                     | Kinh tế vi mô – 4t<br><b>T.An</b>                                  |
| P. 27 CS1 | S | Quản trị DN-4t<br><b>T. Tài</b><br>(Bắt đầu từ 20/7/2026)                                                    | Nguyên lý TKKT- 4t<br><b>T. Lân</b>                                     | Nguyên lý TKKT- 4t<br><b>T. Lân</b>           | Nguyên lý TKKT- 4t<br><b>T. Lân</b>                               | Lịch sử các HTKT- 4t<br><b>T. Thắng</b>                                    |                                                                    |
|           | C | Nghịệp vụ NHTW-4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>                                                                     | Phân tích HĐKD – 4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>                              | Nghịệp vụ NHTW-4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>      | Phân tích HĐKD – 4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>                        | Nghịệp vụ NHTW-4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>                                   | Kế toán NSNN – 4t<br><b>T. Hoàng Sơn</b>                           |
| P. 28 CS1 | S | Kế toán quản trị 1- 4t<br><b>C. Hà</b>                                                                       | Tài chính tiền tệ - 4t<br><b>C. Mai Ly</b>                              | Kỹ năng đàm phán - 4t<br><b>T. Tùng</b>       | Hành vi khách hàng -4t<br><b>C. Hợp</b>                           | Kỹ năng đàm phán - 4t<br><b>T. Tùng</b>                                    |                                                                    |

|           |   | Thứ 2                                                       | Thứ 3                                                          | Thứ 4                                     | Thứ 5                                                                    | Thứ 6                             | Thứ 7 |
|-----------|---|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------|
|           |   |                                                             | (Bắt đầu từ 21/7/2026)                                         | (Bắt đầu từ 15/7/2026)                    | (Bắt đầu từ 23/7/2026)                                                   |                                   |       |
|           | C | Kinh tế vĩ mô - 4t<br>C. Bé                                 | Kế toán quản trị 1- 4t<br>C. Hà                                | Kinh tế vĩ mô - 4t<br>C. Bé               |                                                                          | Kinh tế vĩ mô - 4t<br>C. Bé       |       |
| P. 29 CS1 | S | Nghiệp vụ ngoại thương-4t<br>C. Hằng Nga                    | Nghiệp vụ ngoại thương-4t<br>C. Hằng Nga                       | Luật kinh tế - 4t<br>C. Khuyên            | Luật kinh tế - 4t<br>C. Khuyên                                           | Luật kinh tế - 4t<br>C. Khuyên    |       |
|           | C | Hệ thống TTKT-4t<br>C. Hồng Nga<br>(Bắt đầu từ 20/7/2026)   | Thanh toán quốc tế - 4t<br>C. Mai Ly<br>(Bắt đầu từ 21/7/2026) | Hệ thống TTKT-4t<br>C. Hồng Nga           | Phân tích TC-4t<br>C. Hồng Nga<br>(Bắt đầu từ 23/7/2026)                 | Kế toán NHTM-4t<br>C. Hậu         |       |
| P. 30 CS1 | S | Tài chính DN 2 -4t<br>C. Hồng Nga<br>(Bắt đầu từ 20/7/2026) | Tài chính DN 2 -4t<br>C. Hồng Nga                              | Quản trị học căn bản - 4t<br>C. Bích Ngân | Tài chính DN 1 -4t<br>C. Hồng Nga<br>(Bắt đầu từ 23/7/2026)              | Tài chính DN 1 -4t<br>C. Hồng Nga |       |
|           | C | Toán tài chính - 4t<br>C. Yến                               | Toán tài chính - 4t<br>C. Yến                                  | Phương pháp NCKH- 3t<br>T. Lân            | Toán tài chính - 4t<br>C. Yến                                            | Lập và PT BCTC- 4t<br>C. Lan      |       |
| P. 31 CS1 | S | Marketing DV-4t<br>Mỹ Phương<br>(Bắt đầu từ 20/7/2026)      | Quản trị rủi ro TC - 4t<br>C. Yến                              | Kế toán quản trị 2-4t<br>T. Phước         | Quản trị rủi ro TC - 4t<br>C. Yến                                        | Kế toán tài chính 2- 4t<br>T. Kết |       |
|           | C | Nghiệp vụ NHTM - 4t<br>C. Như                               | Quản trị tài chính - 4t<br>C. Loan                             | Quản trị tài chính - 4t<br>C. Loan        | Kế toán tài chính 2- 4t<br>T. Kết<br>Nghiệp vụ NHTM - 4t<br>C. Như- P.28 | Nghiệp vụ NHTM - 4t<br>C. Như     |       |

Cà Mau, ngày 06 tháng 7 năm 2026  
**KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT**

### THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

| TT | Họ và tên              | Số điện thoại | Mail                  |
|----|------------------------|---------------|-----------------------|
| 1  | Trịnh Hữu Lực          | 0949.001.100  | thluc@blu.edu.vn      |
| 2  | Trịnh Hoàng Sơn        | 0983.720.540  | thson@blu.edu.vn      |
| 3  | Võ Hoàng Khiêm         | 0913.892.933  | vhkiem@blu.edu.vn     |
| 4  | Quách Thị Hải Yến      | 0919.727.903  | qthyen@blu.edu.vn     |
| 5  | Đặng Trung Thắng       | 0918.124.276  | dtthang@blu.edu.vn    |
| 6  | Nguyễn Thị Phương      | 0913.779.948  | ntphuong@blu.edu.vn   |
| 7  | Lê Huỳnh Như           | 0913.648.489  | lhnhu@blu.edu.vn      |
| 8  | Lê Hồng Nga            | 0917.670.673  | lhnga@blu.edu.vn      |
| 9  | Nguyễn Thị Thu Hậu     | 0382.602.216  | ntthuhau@blu.edu.vn   |
| 10 | Nguyễn Thị Diễm Trang  | 0943.805.279  | ntdtrang@blu.edu.vn   |
| 11 | Bùi Thị Thu Lan        | 0942.307.404  | bttlان@blu.edu.vn     |
| 12 | Trần Thị Kim Ngân      | 0944.226.112  | ttkngan@blu.edu.vn    |
| 13 | Nguyễn Văn Ngoan       | 0989.689.004  | nvngoan@blu.edu.vn    |
| 14 | Tăng Thành Phước       | 0912.808.972  | tphuc@blu.edu.vn      |
| 15 | Lê Thanh Tùng          | 0913.149.004  | lftung@blu.edu.vn     |
| 16 | Nguyễn Thúy Anh        | 0918.398.989  | ntanh@blu.edu.vn      |
| 17 | Thị Thị Mỹ Duyên       | 0947.190.567  | ttmduyen@blu.edu.vn   |
| 18 | Võ Thị Phương Hồng Hợp | 0947.198.361  | vtphhop@blu.edu.vn    |
| 19 | Phạm Mỹ Phương         | 0944.335.594  | pmphuong@blu.edu.vn   |
| 20 | Phạm Thị Kim Loan      | 0988.684.266  | ptkloan@blu.edu.vn    |
| 21 | Bùi Thị Hiền           | 0356.045.464  | bthien@blu.edu.vn     |
| 22 | Nguyễn Thị Hằng Nga    | 0907.703.790  | nthnga@blu.edu.vn     |
| 23 | Nguyễn Thị Bích Ngân   | 0939.016.299  | ntbngan@blu.edu.vn    |
| 24 | Nguyễn Lê Lý           | 0988.138.099  | nguyenlely@blu.edu.vn |
| 25 | Trương Thị Bé          | 0914.874.004  | truongbe@blu.edu.vn   |
| 26 | Lê Thị Thêm            | 0947.746.002  | ltthem@blu.edu.vn     |
| 27 | La Thùy Diễm           | 0967.077.778  | ltdiem@blu.edu.vn     |
| 28 | Dương Thế Lân          | 0911.004.005  | dtlan@blu.edu.vn      |
| 29 | Mai Hòa An             | 0932.862.119  | mhan@blu.edu.vn       |
| 30 | Ngô Vũ Mai Ly          | 0982.120.486  | nvmy@blu.edu.vn       |
| 31 | Trần Hà Bảo Khuyên     | 0916.475.168  | thbkhuyen@blu.edu.vn  |
| 32 | Tô Vĩnh Sơn            | 0943.726.707  | tvson@blu.edu.vn      |